

Bản án số: 280/2021/HS-PT
Ngày 21-10-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Giang

Các Thẩm phán: Bà Phạm Uyên Thy

Bà Nguyễn Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Trường - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Phương Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 206/TLPT-HS ngày 18 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo Nguyễn Tuấn L, Trần Đức Q do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2021/HS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Tuấn L; Sinh ngày 15 tháng 6 năm 1984 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 30/5 Đường số A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Ở: 30/5 Đường số D, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị N; Bị cáo có vợ tên Phan Thị K C và 01 con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại – Có mặt.

2. Trần Đức Q; Sinh ngày 03 tháng 12 năm 1998 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 12/28/1 N, Phường B, Quận C, TP. Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Cao Đài; Con ông Trần Đức V (chết) và bà Nguyễn Oanh T; Bị cáo có vợ tên Cao Võ Bình T, chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 30 ngày 03/4/2020, Nguyễn Thanh T đi cùng 01 nam thanh niên tên Minh (không rõ lai lịch) đến nhà chị Phan Thị K C tại số 243/74/2/1 Hoàng Diệu, Phường 4, Quận 4 để mua điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu đen. Sau khi xem điện thoại, T đồng ý mua với giá 13.700.000đ và trả tiền bằng hình thức chuyển khoản qua số tài khoản 0181003444696 Ngân hàng Vietcombank do Nguyễn Tuấn L là chồng chị C đứng tên chủ tài khoản. Do bận công việc nên chị C cùng L đi ra ngoài và đưa điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu đen cho ông Phan Văn B là cha của chị C, đồng thời dặn ông B chờ khi nhận được tin nhắn chuyển tiền thì Chung sẽ thông báo đưa điện thoại cho T. Trong lúc chờ, T hỏi thúc ông B nên ông B đã đưa điện thoại cho T và không thông báo cho chị C biết. Sau khi về đến nhà C biết sự việc nên chị C tra cứu thông tin tài khoản ngân hàng thì biết T sử dụng số điện thoại 0799997838, chị C liên lạc với T nhiều lần nhưng không được. Đến ngày 06/4/2020 chị C liên lạc được với T và yêu cầu T trả tiền điện thoại, nếu không trả, chị C sẽ báo Công an thì T hẹn trả trước ½ tiền mua điện thoại, ngày 07/4/2021 T chuyển khoản 6.000.000đ vào tài khoản của L. Sau đó, chị C tiếp tục liên lạc với T để đòi số tiền còn lại nhưng không liên lạc được.

Do không liên lạc được với T, nên L và C đã tìm Facebook của T thấy hình ảnh T và Nguyễn K chụp chung, nên nghi ngờ K là đồng bọn của T đã đi cùng lừa đảo lấy điện thoại của C. Đến khoảng 21 giờ 00 ngày 09/5/2020 Nguyễn Tuấn L cùng Béc (không rõ lai lịch) và 01 nam thanh niên bạn Béc (không rõ lai lịch) uống cà phê gần trường Chi Lăng, Phường 6, Quận 4 thì phát hiện K ngồi ăn đồ ăn trường Chi Lăng, Phường 6, Quận 4. Lúc này, L điện thoại gọi Trần Đức Q đến hỗ trợ L bắt giữ K để hỏi nơi ở của T. Q đồng ý, nên điều khiển xe gắn máy loại Honda AirBlade, biển số: 59S1-245.61 đến. Khi Q đến thì L chỉ chỗ K ngồi, Q và L đi tới chỗ K ngồi. L dùng tay đánh vào gáy K 3 cái và dùng tay T lấy cổ áo K, khống chế 2 tay K ra phía sau. Lúc này, L kêu Q ra xe gắn máy Vision, biển số: 59C3-900.78 của L lấy 2 dây rút bằng nhựa để sẵn trong cốp xe để trói tay K, Q đem dây rút đưa cho L và Q hỗ trợ giữ 2 tay K cho L dùng dây rút trói tay K lại. Sau đó, L kêu Q dùng xe gắn máy Vision, biển số: 59C3-900.78 của L chở K ngồi giữa, L ngồi phía sau về nhà L tại số 30/5 đường số 6, Phường 4, Quận 4. Béc chạy xe gắn máy loại Honda AirBlade, biển số: 59S1-245.61 của Q về nhà L.

Khi đến nhà của L tại số 30/5 đường số 6, Phường 4, Quận 4, L đưa K vào nhà và đẩy K vào sát tường, dùng tay đánh vào lưng K 02 cái, đánh vào mặt 1 cái và dùng chân đá vào hai tay K, hỏi nơi ở của T thì K trả lời không biết. Lúc này, L yêu cầu K liên lạc T ra gặp L, L lấy dao thái lan cán màu vàng cắt dây rút đã trói K để K dùng điện thoại liên lạc với T nhưng không được. Sau đó, L và Q chở K, cùng chị C đến Phường 4, Quận 4 trình báo sự việc như trên.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra, L và Q khai như trên và cho biết giữ K tại nhà khoảng 20 phút. Chỉ có L dùng tay, chân đánh K như đã khai ở trên. Q hỗ trợ giữ 02 tay K ra phía sau cho L trói và điều khiển xe chở K về nhà L. Ngoài ra, không có ai khác tham gia đánh K. Đồng thời xác nhận chỉ có L, Q đến giữ bắt K.

Đối với Béc và 01 nam thanh niên đi theo, hiện nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 4 chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Do đó, sẽ tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào đủ cơ sở sẽ xử lý sau.

Tại Bản án số: 53/2021/HS-ST ngày 07/4/2021 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã Quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tuấn L 12 (mười hai) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Đức Q 09 (chín) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Ngày 08/4/2021, các bị cáo Nguyễn Tuấn L, Trần Đức Q có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Tuấn L, Trần Đức Q bổ sung nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” đối với các bị cáo là thiếu sót. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L xuất trình tài liệu đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, bị cáo Q có hoàn cảnh khó khăn là con một, vợ hiện đang mang thai sắp sinh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Do bị cáo L là người chủ mưu, cầm đầu nên thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao nên đề nghị chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn L 09 (chín) tháng tù. Đối với bị cáo Trần Đức Q, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên mức phạt tù và cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo không tự bào chữa và không tham gia tranh luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều xin được hưởng án treo để đi làm nuôi gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tuấn L, Trần Đức Q về nội dung quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an Quận 4, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân Quận 4, Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của các bị cáo Nguyễn Tuấn L, Trần Đức Q tại phiên tòa phúc thẩm, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định:

Xuất phát từ nghi ngờ bị hại Nguyễn K và đối tượng Nguyễn Thanh T là đồng bọn trong việc chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max tại cửa hàng do chị Phan Thị K C (vợ của L) làm chủ nên vào lúc 21 giờ 10 phút ngày 09/5/2020, khi thấy bị hại K đang ngồi ăn đối diện trường Chi Lăng, Phường 6, Quận 4, Nguyễn Tuấn L có hành vi dùng vũ lực khống chế bị hại Nguyễn K, rồi cùng Trần Đức Q dùng dây rút bằng nhựa trói 02 tay bị hại K ra phía sau để Q điều khiển xe gắn máy hiệu Vision, biển số 59C3-900.78 chở cả ba về nhà L tại số 30/5 đường số 6, Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh nhằm mục đích tra hỏi thông tin của Nguyễn Thanh T. Sau khoảng 20 phút giữ bị hại K tại nhà nhưng không liên lạc được với đối tượng T, L dùng dao Thái Lan cắt dây trói cho bị hại K rồi cùng Q chở bị hại và chị C đến Công an Phường 4, Quận 4 trình báo sự việc. Bản án sơ thẩm số: 53/2021/HS-ST ngày 07-4-2021 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã áp dụng khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt các bị cáo về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4] Về nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Tuấn L, Trần Đức Q, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết “phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít

ng nghiêm trọng” cho các bị cáo L, Q là thiếu sót. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo L cung cấp Quyết định số 129/QĐ ngày 20/01/2006 của Trung đoàn BB 88, Sư đoàn 302, Quân khu 7 thể hiện bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự; bị cáo Q có hoàn cảnh gia đình khó khăn là con một, lao động chính nuôi mẹ già và vợ đang mang thai. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) được cấp phúc thẩm ghi nhận, áp dụng. Mặt khác, xét sau khi bắt giữ bị hại để hỏi thông tin của đối tượng T không được, các bị cáo đã đưa bị hại K đến Công an Phường 4, Quận 4 để tố cáo hành vi lừa đảo của T mà không biết bản thân mình đã vi phạm pháp luật là thể hiện sự thiết hiệu biết về pháp luật của các bị cáo. Bản thân bị hại đã có đơn không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với các bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo thực hiện tội phạm thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc từ trước và đều là người thực hành; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú và nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét, áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách nhất định để các bị cáo có cơ hội tự cải tạo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Đồng thời, đảm bảo nguyên tắc xử lý người phạm tội theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 3 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và sửa bản án sơ thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tuấn L, Trần Đức Q và sửa Bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung, năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn L 01 (một) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Trần Đức Q 09 (chín) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại Tp. HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận 4, TP.HCM; (2)
- P.PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- THADS Quận 4, TP.HCM; (1)
- TAND Quận 4, TP.HCM; (2)
- Công an Quận 4, TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (21) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Giang